

LD VIETSOV PETRO
TRƯỞNG BAN DBTT

K/g: D/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 11/04/2022

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TD2+CTK3+BK16	7:25	3+18+2	0+0+0		1+17+3	0+0+0	
2		P6+PPD+BK20	7:25	5+17+0	0+0+0		4+16+1	0+0+0	chuyen 1 P6-PPD
3		BK14+RP1+RC5	7:25	8+7+0	0+0+0		5+5+0	0+0+0	chuyen 1 RP1-RC5
4		RCDM+RP2+CTK3	9:25	3+3+16	0+0+0		2+0+16	0+0+0	
5		RC4+MRM+BK9	9:25	3+2+17	0+0+0		0+0+13	0+0+0	
6		CT1+HST+AAMD+ CTC1	9:25	1+14+3 5+16+1	0+0+0		0+18+4 4+16+0	0+0+0	
7		CTC1+BK5+CNV	11:25	4+13+4	0+0+0		2+0+7	0+0+0	
8		TD5+P1+P10	11:25	7+12+1	0+0+0		0+11+6	0+0+0	chuyen 2 P1-P10
9		T.UNG	11:25	14	0		9	0	
10		PPD+BK4+BK14	11:25	20+1+0	0+0+0		6+3+3	0+0+0	

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
1/1 người P9 về đi BK4, BK14 đi về trong ngày 3 ng
2/1 người PPD về bờ đi CTC3

FLIGHT MANIFEST

DATE: 11/04/2022	TO: TD2 - CTK3 - BK16	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: TTrung - N.Anh - HIẾU	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ QUỐC QUYNH	TD2	48-49	2	17		78	BAKER HUC	Vietnamese
2	NGUYỄN VĂN BÌNH	TD2	51-52	2	17		70	BAKER HUC	Vietnamese
3	HOANG NAM	TD2	47-48	2	17		78	BAKER HUC	Vietnamese
4	LƯƠNG MINH KHUÊ	CTK3	71	1	5		65	NIPI	Vietnamese
5	PHẠM XUÂN HOÀ	CTK3	64-66	2	17		82	YTE	Vietnamese
6	HOANG THANH HÒA	CTK3	72-73	2	10		67	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN ANH TUÂN	CTK3	67	1	5		85	KH-THAC	Vietnamese
8	SMIRNOV S.S	CTK3	93	1	3	10	90	KH-THAC	Russian
9	HOANG XUAN HIẾU	CTK3	61	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN DUY ANH	CTK3	70	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
11	VŨ XUÂN TRÚC	CTK3	01	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN ĐỨC HÙNG	CTK3	63	1	5		45	KH-THAC	Vietnamese
13	CAO VĂN ĐÀU	CTK3	74	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
14	BUI VĂN BẮC	CTK3	60	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
15	TÔ TRỌNG TUÂN	CTK3	07	1	10		65	KH-THAC	Vietnamese
16	ĐO VĂN TRI	CTK3	65	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
17	BUI TIẾN DŨNG	CTK3	68	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
18	TRẦN NGỌC HIỆP	CTK3	69	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
19	PHẠM CÔNG UỐC	CTK3	62	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
20	LY BĂNG	BK16	10	1	12		70	KH-THAC	Vietnamese
21	ĐẶNG ĐÌNH THANG	BK16	13	1	8	20	65	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

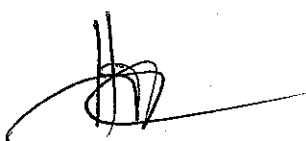
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD2	3	6	51	226	0	1		
2	CTK3	16	18	100	1.102	10	17		
3	BK16	2	2	20	135	20	3		
TOTAL		21	26	171	1.463	30	21		
WEIGHT KG				171	1.463	30			

GRAND TOAL: 1.664 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 11/04/2022	TO: P6 - PPD - BK20	AIRCRAFT: 424	ETD: 07:40
FLIGHT: \	FROM: VT	CREW: LHài - T.Hiếu - VAnh - HTNam	ETA: 09:20
VANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐINH QUỐC TRƯỞNG	P6	83	1	7		77	GETRACO	Vietnamese
2	NGUYỄN VĂN THIN	P6	80	1	6		77	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN TRỌNG	P6	88	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
4	PHẠM NGỌC TUÂN	P6	84-85	2	16	16	69	XAYLAP	Vietnamese
5	VU VIỆT SƠN	P6	81-82	2	8		60	GETRACO	Vietnamese
6	PHẠM VIỆT HỮU	PPD	75	1	18		70	XAYLAP	Vietnamese
7	LÊ QUANG HÒA	PPD	61-62	2	11		70	XAYLAP	Vietnamese
8	TRẦN MẠNH HÙNG	PPD	73-74	2	16	75	72	XAYLAP	Vietnamese
9	PHẠM VĂN ĐỨC	PPD				30	72	T-TIN	Vietnamese
10	ĐOÀN QUYẾT THẮNG	PPD	76-77	2	14		75	YTE	Vietnamese
11	ĐỖ DUY LỊCH	PPD	69	1	6		76	KH-THAC	Vietnamese
12	LÊ XUÂN MINH	PPD	68	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN ĐÌNH THẮNG	PPD	70	1	7		50	KH-THAC	Vietnamese
14	PHAN VĂN THẮNG	PPD	65	1	5		74	KH-THAC	Vietnamese
15	LÊ SỸ KHOA	PPD					75	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN DANH TUÂN	PPD	63	1	3		60	KH-THAC	Vietnamese
17	PHAN VĂN ĐƯƠNG	PPD	67	1	5		55	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN HUY HOÀNG	PPD	66	1	3		85	KH-THAC	Vietnamese
19	NGÔ SÁCH ĐỨC	PPD	72	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN NGỌC CƯ	PPD	71	1	3		63	KH-THAC	Vietnamese
21	NGÔ ĐỨC VỌNG	PPD					69	KH-THAC	Vietnamese
22	TÔ QUANG HUY	PPD	64	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P6	5	7	42	346	16	4 + 1		CHUYEN 01 PAX TU P6 SANG PPD
2	PPD	17	17	107	1.181	105	16		
3	BK20	0	0	0	0	0	1		
TOTAL		22	24	149	1.527	121	21		
WEIGHT KG				149	1.527	121			

GRAND TOAL: 1.797 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 11/04/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 428	ETD: 07:35
FLIGHT: 3	TO: BK14 - RP1 - RC5	CREW: ATUÂN - Linh - Toan	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ ANH TUÂN	BK14	69	1	12	40	81	KH-THAC	Vietnamese
2	TRẦN VĂN CỎ	BK14	09	1	5		54	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN VIỆT LONG	BK14	10	1	7		71	KH-THAC	Vietnamese
4	PHAN VĂN ĐỨC	BK14	70	1	3		80	KH-THAC	Vietnamese
5	VŨ VĂN MẠNH	BK14					79	KH-THAC	Vietnamese
6	TRỊNH BA ĐỒNG	BK14					70	KH-THAC	Vietnamese
7	TÀO QUANG NGÂN	RP1	57	1	12	10	67	KH-THAC	Vietnamese
8	NG PHI KHAI HOÀN	RP1	98-99	2	10	12	70	KH-THAC	Vietnamese
9	HOÀNG ĐÌNH BA	RP1	97	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
10	TSOPANOV	RP1	58	1	10		100	KH-THAC	Russian
11	NGUYỄN KHẮC HỒNG	RP1	96	1	9		70	KH-THAC	Vietnamese
12	BUI ĐỨC HẬU	RP1	400	1	10	32	59	CODIEN	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN THỨ	RP1	73	1	7		51	CODIEN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

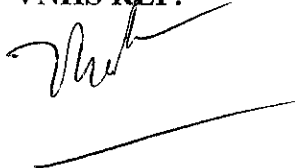
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK14	6	4	27	435	40	5		CHUYỂN 1 PAX TỪ RP1 SANG RC5
2	RP1	7	8	63	477	54	54		
3	RC5	0	0	0	0	0	0		
TOTAL		13	12	90	912	94	10		
WEIGHT KG				90	912	94			

GRAND TOTAL: 1.096 KGS

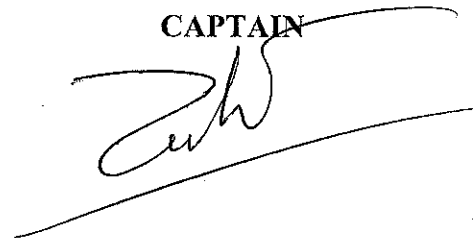
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 11/04/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:40
FLIGHT: 4	TO: RCDM - RP2 - CTK3	CREW: TTrung - N.Anh - HIẾU	ETA: 11:20
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHAN TIEN CUONG	RCDM	57	1	5		50	PSV	Vietnamese
2	NGUYEN DUY HUNG	RCDM	55-56	2	10	20	75	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN KIEM BAC	RCDM	53,58	2	17		70	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN VAN TUNG	RP2	98	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
5	ĐẬU HUY HOANG	RP2	96-97	2	17		65	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN VAN Y	RP2	500	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
7	VŨ DINH HUY	CTK3	04	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN QUANG CHUONG	CTK3	01,55	2	18		65	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN VAN NAM	CTK3	18	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN HIEU TRUNG	CTK3	06	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
11	PHAM NGOC CHIEN	CTK3	87	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
12	BUI THANH HOAT	CTK3	003	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
13	PHAN KHAC THANG	CTK3	88	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
14	LÊ VĂN BA	CTK3	27	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
15	DINH QUANG HOAN	CTK3	89	1	8		75	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN TRONG QUE	CTK3	28	1	17		67	XAYLAP	Vietnamese
17	NGUYEN DINH VINH	CTK3	90-91	2	18		70	XAYLAP	Vietnamese
18	TRAN VAN HIEU	CTK3	85-86	2	12		78	NIPI	Vietnamese
19	NGUYEN VAN HIEN	CTK3	02	1	8		65	DK9	Vietnamese
20	DU TRAN HUNG ***	CTK3	48,54	2	15		68	KH-THAC	Vietnamese
21	DAO VIET HUNG	CTK3	03	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RCDM	3	5	32	195	20	2		
2	RP2	3	4	27	200	0	0		
3	CTK3	15	19	136	1.043	0	11		
TOTAL		21	28	195	1.438	20	13		
WEIGHT KG				195	1.438	20			

GRAND TOAL: 1.653 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 11/04/2022	TO: RC4 - MRM - BK9	AIRCRAFT: 424	ETD: 09:50
FLIGHT: 5	FROM: VT	CREW: L.Hải - T.Hiếu - V.Anh -	ETA: 11:30
VANG-2		HTNam	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN ANH TUẤN	RC4	15	1	10		77	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN VĂN LAM	RC4	13-14	2	10	35	67	CODIEN	Vietnamese
3	VU DINH NAM	RC4	16-17	2	15		65	CODIEN	Vietnamese
4	TRINH TIEN DUNG	MRM	75-76	2	20		70	SCHLUMBE	Vietnamese
5	VU ANH HIEU	MRM	73-74	2	20		53	SCHLUMBE	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN CƯỜNG	BK9	02	1	3		50	KH-THAC	Vietnamese
7	VÔ THẾ HẬU	BK9	01	1	4		74	KH-THAC	Vietnamese
8	LUƠNG VĂN THỰC	BK9	64-65	2	20		75	XAYLAP	Vietnamese
9	NGUYỄN HUY GIANG	BK9	72	1	15		68	XAYLAP	Vietnamese
10	PHẠM VĂN TUYẾN	BK9	38-39	2	15	50	74	XAYLAP	Vietnamese
11	NGUYỄN PHI HÙNG	BK9	62	1	6		63	XAYLAP	Vietnamese
12	NGUYỄN LÊ	BK9	60-61	2	20	70	70	XAYLAP	Vietnamese
13	VÔ VĂN TÙNG	BK9	40-41	2	15		54	XAYLAP	Vietnamese
14	LÊ VĂN SỸ	BK9	69-70	2	15		63	XAYLAP	Vietnamese
15	LÊ DINH PHỤNG	BK9	17	1	16		75	XAYLAP	Vietnamese
16	LÊ CÔNG THỜI	BK9	67-68	2	20		60	XAYLAP	Vietnamese
17	NGUYỄN ANH KIẾT	BK9	66	1	12		71	XAYLAP	Vietnamese
18	NGUYỄN VĂN SA	BK9	33	1	5		70	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RC4	3	5	35	209	35	0		THAO 02 GHE DE CHO HANG
2	MRM	2	4	40	123	0	0		
3	BK9	13	19	166	867	120	13		
TOTAL		18	28	241	1.199	155	13		
WEIGHT KG				241	1.199	155			

GRAND TOTAL: 1.595 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST

DATE: 11/04/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 428	ETD: 09:45
FLIGHT: 6	TO: GTC1 - AMD - HST	CREW: ATUÁN - Linh - Toan	ETA: 11:25
CAM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BUI MINH HAI	GTC1	61-62	2	10		69	KH-THAC	Vietnamese
2	BUI MINH KHA	AMD	96-97	2	18		57	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN ANH DUY	AMD	01	1	12		60	KH-THAC	Vietnamese
4	PHAM ANH NGU	AMD	04	1	8		75	KH-THAC	Vietnamese
5	TRAN QUANG LONG	AMD	16	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
6	TRAN NGOC PHUC	AMD	99	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
7	LE THANH TUNG	AMD	03	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
8	TRAN MINH DUC	AMD	02	1	10		65	KH-THAC	Vietnamese
9	VU VIET THANG	AMD	94-95	2	12		65	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN VAN HIEU	AMD	06	1	10		79	KH-THAC	Vietnamese
11	BUI SY QUYEN	AMD	900	1	7		69	KH-THAC	Vietnamese
12	TRUONG THE HIEN	AMD	07	1	7		72	KH-THAC	Vietnamese
13	LE HONG THAI	AMD	05	1	4		66	KH-THAC	Vietnamese
14	TRAN HUU DANG	AMD	08-09	2	12		85	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN TAN VUONG	AMD	98	1	7		68	PSV	Vietnamese
16	THAN CANH THINH	HST	18-19	2	15		76	TLJOC	Vietnamese
17	VO TRUNG HIEU	HST	14-15	2	10		80	KH-THAC	Vietnamese
18	DOAN THANH MAI	HST	16-17	2	14		64	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	GTC1	1	2	10	69	0	0		
2	AMD	14	17	125	966	0	18		
3	HST	3	6	39	220	0	4		
TOTAL		18	25	174	1.255	0	22		
WEIGHT KG				174	1.255	0			

GRAND TOAL: 1.429 KGS

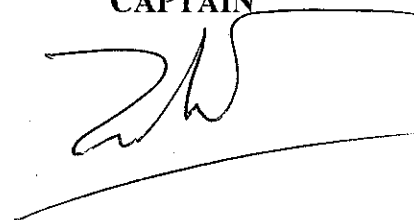
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 11/04/2022	TO: CTC1 - BK5 - CNV	AIRCRAFT: 420	ETD: 11:50
FLIGHT: 7	FROM: VT	CREW: TTrung - NPhú - Vũ	ETA: 13:30
VANG-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	AKOPOV DAVID	CTC1	36	1	6		80	KH-THAC	Russian
2	LE QUANG ANH HUNG	CTC1	37	1	4		56	KH-THAC	Vietnamese
3	TRAN DUONG	CTC1	40,45	2	20		65	CODIEN	Vietnamese
4	CAO XUAN DUNG	CTC1	38-39	2	15		75	CODIEN	Vietnamese
5	PHAM VAN CHINH	BK5	32	1	18	30	75	XAYLAP	Vietnamese
6	DO VAN DINH	BK5	36	1	15		69	XAYLAP	Vietnamese
7	LE HONG DUONG	BK5	06-07	2	18		65	XAYLAP	Vietnamese
8	PHAM DUY DEN	BK5	02-03	2	20		63	XAYLAP	Vietnamese
9	LE QUANG HUNG	BK5	33	1	10		75	XAYLAP	Vietnamese
10	HOANG ANH SON	BK5	39,01	2	20		72	XAYLAP	Vietnamese
11	NGUYEN DINH THANG	BK5	34-35	2	18		75	XAYLAP	Vietnamese
12	HOANG VAN MANH	BK5	37-38	2	20		70	XAYLAP	Vietnamese
13	DO VAN CUONG	BK5	08-09	2	10		58	XAYLAP	Vietnamese
14	NGUYEN VAN TOAN	BK5	10-11	2	20		62	XAYLAP	Vietnamese
15	NGUYEN VAN HIEU	BK5	04-05	2	18		73	XAYLAP	Vietnamese
16	DAO THE HUNG	CNV	07-08	2	10	40	70	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN HOANG TUNG	CNV	06	1	8		83	KH-THAC	Vietnamese
18	PHUNG VAN KHANH	CNV	04-05	2	14		75	KH-THAC	Vietnamese
19	VU QUANG HAI	CNV	31	1	20		75	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CTC1	4	6	45	276	0	2		
2	BK5	11	19	187	757	30	0		
3	CNV	4	6	52	303	40	7		
TOTAL		19	31	284	1.336	70	9		
WEIGHT KG				284	1.336	70			

GRAND TOAL: 1.690 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 11/04/2022	TO: TD5 - P1 - P10	AIRCRAFT: 424	ETD: 12:00
FLIGHT: 8	FROM: VT	CREW: Đức - Thu - Dục - Hà HTNam	ETA: 13:40
TRANG-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN QUOC SON	TD5	35	1	12		65	SHINTRAC	Vietnamese
2	PHAM GIA KHANH	TD5	27	1	10		60	SHINTRAC	Vietnamese
3	BUI THO SON	TD5	29-30	2	10	14	65	SHINTRAC	Vietnamese
4	LE VAN MINH	TD5	28	1	7		55	SHINTRAC	Vietnamese
5	NGUYEN VAN TUNG	TD5	36	1	8		74	SHINTRAC	Vietnamese
6	PHAM THANH THONG	TD5	31-32	2	12		70	SHINTRAC	Vietnamese
7	TRAN TRUNG HIEU	TD5	33-34	2	10		71	SHINTRAC	Vietnamese
8	PHAN VAN HONG	P1	70	1	5	25	65	PSV	Vietnamese
9	VU DUY KHANH	P1	78	1	6		64	KH-THAC	Vietnamese
10	TRAN THANH HAI	P1	79	1	10		70	KH-THAC	Vietnamese
11	ĐANG ĐỨC TOANH	P1	81	1	5		61	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN ĐÌNH HAI	P1	75	1	4		75	KH-THAC	Vietnamese
13	HỒ NGUYỄN KHÁNH DUY	P1	76	1	4		59	KH-THAC	Vietnamese
14	TÔ QUANG ANH	P1	80	1	5		69	KH-THAC	Vietnamese
15	HỒ HUU CHUNG	P1	77	1	5		50	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN ĐỨC THUẬN	P1	74	1	7		55	NHATHAU	Vietnamese
17	NGUYEN NGOC TUAN	P1	73	1	7		59	NHATHAU	Vietnamese
18	NGUYEN TIEN BINH	P1	71-72	2	10		61	NHATHAU	Vietnamese
19	NGUYEN VU KIEN	P10	10	1	6		75	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD5	7	10	69	460	14	1		CHUYEN 2 PAX P1-P10
2	P1	11	12	68	688	25	10		
3	P10	1	1	6	75	0	6		
TOTAL		19	23	143	1.223	39	17		
WEIGHT KG				143	1.223	39			

GRAND TOAL: 1.405 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 11/04/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 614	ETD: 11:30
FLIGHT: 9	TO: T.UNG	CREW: CÔNG - NKính	ETA: 14:40
XANH-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN CÔNG VƯƠNG	T.UNG	70	1	10		52	PSV	Vietnamese
2	NGUYỄN ĐỨC BÌNH	T.UNG	60	1	7		65	PVEP ITC	Vietnamese
3	ZELENSKY	T.UNG					81	KH-THAC	Russian
4	DƯƠNG VĂN MẠNH	T.UNG	58-59	2	8		65	KH-THAC	Vietnamese
5	ĐÀO DUY TỬ	T.UNG	62	1	9		60	KH-THAC	Vietnamese
6	BUI TRỌNG SƠN	T.UNG	61	1	10		70	KH-THAC	Vietnamese
7	LÊ DUY ĐỨC	T.UNG	55	1	5	65	59	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN TỈNH	T.UNG	56-57	2	18		75	CODIEN	Vietnamese
9	HỒ CHIẾN THẮNG	T.UNG	66	1	8		60	CODIEN	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN TRƯỜNG	T.UNG	63,33	2	10		60	PSV	Vietnamese
11	PHẠM THẾ LONG	T.UNG	67	1	8		71	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	T.UNG	11	13	93	718	65	7		
	TOTAL	11	13	93	718	65	7		
	WEIGHT KG			93	718	65			

GRAND TOAL: 876 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



Fuel: 1800KG

<Giang>



FLIGHT MANIFEST



DATE: 11/04/2022	FROM: YT	AIRCRAFT: 428	ETD: 11:55
FLIGHT: 10	TO: PPD - BKK - BKK	CREW: Linh - Duong - THU	ETA: 13:35
CAM-3			

No	FAKNAME	DOB	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W	COMPANY	NATION
1	NGUYEN THANH SON	PPD	43-36	2	5		30	KH-UIAC	Vietnamese
2	THAN QUY DUNG	PPD	13-11	2	20		61	XAYLAP	Vietnamese
3	LE BICH ANH	PPD	13-13	2	20		73	XAYLAP	Vietnamese
4	NGUYEN HUANG MINH HUNG	PPD	78-34	2	12		56	XAYLAP	Vietnamese
5	DOA TUAN DUNG	PPD				25	71	XAYLAP	Vietnamese
6	PHAM VAN DINH	PPD	39-40	2	17		73	XAYLAP	Vietnamese
7	TRU XUAN QUANG	PPD				30	71	XAYLAP	Vietnamese
8	TRU MANH HA	PPD	47-43	2	14		91	XAYLAP	Vietnamese
9	NGUYEN SOU TUYEN	PPD	51-12	2	20		61	XAYLAP	Vietnamese
10	PHAM TIEN BANG	PPD	30-51	2	13		52	XAYLAP	Vietnamese
11	PHAM CONG HUNG	PPD	17-12	2	20		61	XAYLAP	Vietnamese
12	LE QUY BUI DUNG	PPD	32	1	17		38	XAYLAP	Vietnamese
13	NGUYEN HUU LUU	PPD	41	1	4		33	PSV	Vietnamese
14	HOANG VAN THANG	PPD	42	1	5		06	PSV	Vietnamese
15	PHAM HOANG VAN	PPD	28	1	5		70	PSV	Vietnamese
16	VO HONG QUANG	PPD	17	1	6		74	PSV	Vietnamese
17	LE XUAN DAM	PPD	30	1	2		67	PSV	Vietnamese
18	NGUYEN DUC TRUNG	PPD	33	1	6		61	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No	DISTINCTION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG	PAX W	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	13	23	134	1,239	93	6		
2	BKK	0	0	0	0	40	1		
3	BKK	0	0	0	0	0	4		
TOTAL		13	23	134	1,239	93	13		
WEIGHT KG				135	1,239	93			

GRAND TOTAL 1,332 KGS

VNP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 11/04/2022 FLIGHT:	FROM: VTG TO: VCS	AIRCRAFT: 620 CREW: MTiến - LTuấn - Nghĩa	ETD: 12:30 ETA: 13:30
-----------------------------	----------------------	---	--------------------------

ROUTE: VTG - VCS

No.	PAX.NAME	COMPANY	NATIONALITY	PASSPORT	TAG	BAG		BODY
						PCS	KGS	W.T
SECTOR 1 : VT - VCS								
1	NIL PAX					0	0	
	PAX OUT	0	PAX IN	19	WT:	0	0	0
TOTAL		0						

FREIGHT

No.	FREIGHT DESCRIPTION	TAG	DEST.	QTY	WEIGHT (KGS)
1					
REMARK :					PAX.WEIGHT
					0
					BAG.WEIGHT
					0
					CARGO WEIGHT
					0
					TOTAL
					0

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

CONFIRMED BY HLO (Name & signature)

1. TOTAL OF PAX

2. FREIGHT \$ BAG:

FINISHED: 00:00

FUEL

FLIGHT MANIFEST

DATE 11/04/2022	FROM: VCS	AIRCRAFT: VN 8620	ETD	14:00
FLIGHT : VH02	TO: VTG	CREW: CHIEN - LINH - HUY		

ROUTE : VCS - VTG

No.	PAX. NAME	NUMBER TICKET	NATIONALITY	ID/ PASSPORT	SEAT	BAG			BODY
						TAG	PCS	KGS	
1	NGUYEN QUYNH LAM		VIETNAMESE	24159371	4C	VH004653/54/52	3	25	65
2	PHAM THI THU HANG		VIETNAMESE	23869728	5A				52
3	NGUYEN QUYNH CHAU		VIETNAMESE	25778352	3C	VH004664/661/660	3	24	52
4	NGUYEN TIEN VINH		VIETNAMESE	273684377	2C				70
5	PHAM THI KIM OANH		VIETNAMESE	273168660	1D				52
6	TRAN CONG TIN		VIETNAMESE	036063006470	3B				65
7	LE THI MINH NGUYET		VIETNAMESE	079161009175	3A				52
8	VU VIET KIEU		VIETNAMESE	034065006487	2D				65
9	TRAN THI KIM GIAO		VIETNAMESE	79163007982	1C				47
10	TRAN QUOC THANG		VIETNAMESE	273119395	5C				68
11	VO THI NGA		VIETNAMESE	042177000247	6A	VH004671/72/68-670	5	33	61
12	TRAN DUC HUY (CHD)		VIETNAMESE		5D				35
13	CAO TUNG SON		VIETNAMESE	040061007201	2A	VH004665/66/67	3	25	72
14	PHAN THI HOA		VIETNAMESE	001164031580	2B				52
15	NGUYEN QUOC DAT		VIETNAMESE	030063005828	4A	VH004657/56/55	3	30	65
16	NGUYEN THI CHUC		VIETNAMESE	030161002459	4B				51
17	PHAM THI CHAU GIANG		VIETNAMESE	2494239	4D				50
18	PHAM THANH HUYEN		VIETNAMESE	25830443	3D				50
19	PHAM VAN DOAN		VIETNAMESE	273500914	5B				55
TOTAL PAX		19					17	137	1079

FREIGHT

No.	FREIGHT DESCRIPTION	TAG	QTY	WEIGHT(KGS)
1				
2				
3				

REMARK :

PAX. WEIGHT	1079
BAG. WEIGHT	137
CARGO WEIGHT	0
TOTAL	1216

AIRPORT REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE 11/04/2022	FROM: VCS	AIRCRAFT: VN 8618	ETD	14:30
FLIGHT : VH04	TO: VTG	CREW: CHIEN - LINH - HUY		

ROUTE : VCS - VTG

Thái - Minh - Hân

No.	PAX. NAME	NUMBER TICKET	NATIONALITY	ID/ PASSPORT	SEAT	BAG			BODY
						TAG	PCS	KGS	
1	TRAN VAN VINH		VIETNAMESE	040062000363	5C				72
2	NGUYEN HO CAM		VIETNAMESE	273497774	2B				56
3	TRAN THI HOANG MY		VIETNAMESE	273455133	5A				55
4	TRAN VINH TRONG		VIETNAMESE	077201002824	5D				75
5	LE VIET DUNG		VIETNAMESE	001071047462	2A	VH004693/45/92/91/9	5	46	75
6	LE THI TOAN		VIETNAMESE	044171000717	3D	VH004646/48/47	3	25	60
7	TRAN XUAN HOANG		VIETNAMESE	036063003579	3B				75
8	NGUYEN XUAN LAN		VIETNAMESE	001169024509	2D				50
9	TRAN HOANG TUNG		VIETNAMESE	273684090	1D				70
10	TRAN HOANG BACH		VIETNAMESE	B8820662	3A				75
11	LUONG QUOC DAN		VIETNAMESE	033072002179	4A				70
12	MAI DANG TUAN		VIETNAMESE	273535052	4B	VH004688/89/87	3	28	65
13	NGUYEN DUY NGOC		VIETNAMESE	034079012886	1C				70
14	HOANG THI MINH HUE		VIETNAMESE	273044966	3C	VH004649/650/651	3	20	60
15	NGUYEN QUANG MANH		VIETNAMESE	034064008728	2C				75
16	NGUYEN THI KIM OANH		VIETNAMESE	30174015788	5B	VH004684/85/86	3	31	55
17	NGO THI NGOC ANH		VIETNAMESE	21923826	4C				55
18	THAI THI NGAN		VIETNAMESE	273098945	4D				56
TOTAL PAX		18					17	150	1169

FREIGHT

No.	FREIGHT DESCRIPTION	TAG	QTY	WEIGHT(KGS)
1				
2				
3				

REMARK :

AIRPORT REP.

CAPTAIN



PAX. WEIGHT	1169
BAG. WEIGHT	150
CARGO WEIGHT	0
TOTAL	1319